

CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VSNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH NAM ĐỊNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/BC-CTNS

Nam Định, ngày 20 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch tháng 02 năm 2025

A. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên đơn vị cấp nước: Công ty cổ phần nước sạch & VSNT Nam Định
2. Địa chỉ: Số 121, Lê Hồng Phong, phường Vị Xuyên, TP. Nam Định
3. Công suất thiết kế, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước, nguồn nước nguyên liệu:

TT	Tên nhà máy trực thuộc	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ng.đ)	Tổng dân số được cung cấp nước (người)	Số mẫu nước/đợt/nhà máy	Ghi chú
1	Giao Thủy	Sông Ninh Cơ	25.000	131.210	4 mẫu/đợt	
2	Xuân Trường	Sông Ninh Cơ	13.000	89.236	3 mẫu/đợt	
3	Mỹ Lộc	Sông Hồng	8.000	66.150	3 mẫu/đợt	
4	Nghĩa An	Sông Đào	10.000	56.290	3 mẫu/đợt	
5	Yên Lộc	Sông Đào	13.000	78.925	3 mẫu/đợt	
6	Liên Bảo	Sông Đào	10.800	48.724	3 mẫu/đợt	
7	Yên Quang	Sông Đáy	5.500	22.940	3 mẫu/đợt	
8	Xuân Tân	Sông Hồng	5.500	37.360	3 mẫu/đợt	
9	Nam Dương	Sông Đào	3.500	17.560	3 mẫu/đợt	
10	Đại Thắng	Sông Đào	2.000	9.950	3 mẫu/đợt	
11	Nghĩa Hưng	Sông Đáy	2.600	18.090	3 mẫu/đợt	
12	Quỹ Nhất	Sông Đáy/ Nước ngầm	4.000	11.260	3 mẫu/đợt	
13	Hải Toàn	Nước ngầm	2.200	12.040	3 mẫu/đợt	
14	Yên Định	Nước ngầm	1.200	6.700	3 mẫu/đợt	

Ghi chú: - Đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân: lấy ít nhất 03 mẫu nước sạch

- Đơn vị cấp nước cho từ 100.000 dân trở lên: lấy ít nhất 04 mẫu nước sạch

4. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Số mẫu	Vị trí lấy mẫu nước
14	Tại bể chứa nước bơm đi tại nhà máy
15	Tại vòi sử dụng trên mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng
14	Tại vòi sử dụng cuối mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC:

Các nhà máy nước thuộc công ty có đầy đủ hồ sơ theo dõi và quản lý chất lượng nước gồm hồ sơ về sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất nước sạch, sổ theo dõi việc lưu mẫu nước, sổ theo dõi chất lượng nước trong ngày, các phiếu phân tích chất lượng nước...

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Kết quả xét nghiệm nước thành phẩm trong tháng: Có phiếu kiểm nghiệm nước kèm theo.

2. Kết quả xét nghiệm:

2.1. Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 43 mẫu Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%

2.2. Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: Không.

Trong đó:

- Số mẫu không đạt về lý, hóa học: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt về vi sinh vật: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt cả về lý, hóa học và vi sinh vật: 0 mẫu.

2.3. Các chỉ tiêu không đạt: Không có chỉ tiêu không đạt.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không.

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không./.

Nơi nhận:

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định
(Kèm theo phiếu kết quả phân tích tháng 02/2025);
- Trung tâm y tế dự phòng huyện;
- Phó Giám đốc Phạm Thị Hằng;
- Phòng KT&QLCLN;
- Các NMN
- Lưu VP, Nhà thí nghiệm.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Hằng

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Đình Văn Phát - Địa chỉ: Thôn Hạ Linh, Xuân Ngọc, Xuân Trường, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Bùi Xuân Thắng - Địa chỉ: Thôn Hạ Linh, Xuân Ngọc, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó:

- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 05/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 05/02/2025 đến 20/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,42	0,46	0,47	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,85	0,47	0,45	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,75	7,80	7,82	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,459	0,469	0,476	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	8,398	8,441	8,527	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	94,0	94,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	9,113	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	85,8	86,1	87,3	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Đinh Văn Phát - Địa chỉ: Thôn Hạ Linh, Xuân Ngọc, Xuân Trường, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Bùi Xuân Thắng - Địa chỉ: Thôn Hạ Linh, Xuân Ngọc, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 05/02/2025 đến 07/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC


**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
			<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định			
	Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com	

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02

- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Giao Tiến - Giao Thủy - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:
Nguyễn Văn Phôi - Địa chỉ: Xóm 4, Hoàn Sơn, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:
Nguyễn Văn Công - Địa chỉ: Xóm 4, Hoàn Sơn, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đoãn Thành Văn - Địa chỉ: Xóm 3, Hoàn Sơn, Giao Thủy, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 05/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 05/02/2025 đến 20/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I	Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,42	0,46	0,47	0,51	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,85	0,47	0,45	0,41	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,51	7,57	7,61	7,63	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
II Mức độ giám sát B									
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,494	0,500	0,511	0,520	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	8,655	8,805	8,869	8,976	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	0,500	0,500	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	96,0	96,0	96,0	97,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	9,113	9,113	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	92,2	93,1	93,7	94,1	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02



- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Giao Tiên - Giao Thủy - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:
Nguyễn Văn Phôi - Địa chỉ: Xóm 4, Hoàn Sơn, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:
Nguyễn Văn Công - Địa chỉ: Xóm 4, Hoàn Sơn, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Doãn Thành Văn - Địa chỉ: Xóm 3, Hoàn Sơn, Giao Thủy, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 05/02/2025 đến 07/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
			<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định			
	Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com	

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
2. **Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Ngô Văn Đại - Địa chỉ: Xóm Võ, Xuân Tân, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Cao Thị Thùy - Địa chỉ: Xóm A, Xuân Tân, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 06/02/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
7. **Thời gian thử nghiệm:** 06/02/2025 đến 20/02/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	7,0	7,0	7,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,37	0,50	0,56	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,61	0,54	0,50	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,66	7,70	7,77	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,568	0,573	0,585	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	54,805	54,955	55,040	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,500	0,500	0,500	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	204,0	204,0	204,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	240,590	240,590	240,590	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,243	0,247	0,265	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	350,0	352,0	355,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Ngô Văn Đại - Địa chỉ: Xóm Võ, Xuân Tân, Xuân Trường, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Cao Thị Thủy - Địa chỉ: Xóm A, Xuân Tân, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 06/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 06/02/2025 đến 08/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
			Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định			
	Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPhuocsachntnamdinh@gmail.com	

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 04

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Cao Văn Phần - Địa chỉ: Xóm Trai, Nam Cường, Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Quý Tâm - Địa chỉ: Cầu Vòi, Hồng Quang, Nam Trực, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 04/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 04/02/2025 đến 20/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,22	0,26	0,30	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,40	0,23	0,20	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,80	7,81	7,87	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,506	0,531	0,536	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	14,156	14,285	14,435	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	94,0	94,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	83,0	84,1	85,6	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 04

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Cao Văn Phần - Địa chỉ: Xóm Trai, Nam Cường, Nam Trực, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Quý Tâm - Địa chỉ: Cầu Vòi, Hồng Quang, Nam Trực, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 04/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 04/02/2025 đến 08/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Văn Trọng - Địa chỉ: Thôn Xứ Trường, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định
 - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Tuấn Anh - Địa chỉ: Thôn Xứ Trường, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định
- Trong đó:*
- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 05/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 05/02/2025 đến 20/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,43	0,43	0,49	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,51	0,33	0,23	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,90	7,91	7,94	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,542	0,561	0,567	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	9,940	10,068	10,154	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	96,0	96,0	96,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	0,203	0,247	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	84,1	85,3	86,4	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Văn Trọng - Địa chỉ: Thôn Xứ Trường, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Tuấn Anh - Địa chỉ: Thôn Xứ Trường, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 05/02/2025 đến 07/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nghĩa Hưng
2. Địa chỉ: Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Thị Vui - Địa chỉ: Xóm 9, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Trọng - Địa chỉ: Đội 4, Trục Thuận, Trục Ninh, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 10/02/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
7. Thời gian thử nghiệm: 10/02/2025 đến 20/02/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,40	0,57	0,70	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,45	0,40	0,30	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,77	7,82	7,83	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,522	0,533	0,544	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	18,352	19,615	19,743	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,500	0,500	0,500	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	104,0	104,0	104,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	14,581	14,581	14,581	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,220	0,225	0,229	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	116,0	117,0	119,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Thị Vui - Địa chỉ: Xóm 9, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Trọng - Địa chỉ: Đội 4, Trục Thuận, Trục Ninh, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 10/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 10/02/2025 đến 12/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 07

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Quỹ Nhất
2. Địa chỉ: TT. Quỹ Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Bá Thư - Địa chỉ: Xóm 6, Phú Thọ, Nghĩa Hải, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đinh Bá Lượng - Địa chỉ: TDP 6, TT. Rạng Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 10/02/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
7. Thời gian thử nghiệm: 10/02/2025 đến 20/02/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,17	0,30	0,50	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,70	0,50	0,32	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,60	7,67	7,70	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l'	2	TCVN 6180:1996	0,392	0,395	0,400	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	37,424	37,509	37,852	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,833	1,000	1,000	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	150,0	150,0	150,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	167,680	167,680	167,680	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,225	0,243	0,247	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	316,0	318,0	319,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp. Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 07

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quỳ Nhất
- Địa chỉ:** TT. Quỳ Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Bá Thư - Địa chỉ: Xóm 6, Phú Thọ, Nghĩa Hải, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đình Bá Lượng - Địa chỉ: TDP 6, TT. Rạng Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 10/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 10/02/2025 đến 12/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Vũ - Địa chỉ: Tổ dân phố 4, TT Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
 - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Ngọc Thạch - Địa chỉ: Tổ dân phố 16, TT. Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
- Trong đó:*
- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 11/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 11/02/2025 đến 20/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,16	0,19	0,21	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,78	0,58	0,43	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,44	7,49	7,52	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
7	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
8	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,514	0,540	0,549	Đạt
9	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	9,490	9,726	9,875	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
11	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	126,0	126,0	126,0	Đạt
12	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	16,039	16,039	16,039	Đạt
13	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,354	0,363	0,376	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	187,0	189,0	190,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quý định
4. Dấu " * " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu " ** " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Văn Vũ - Địa chỉ: Tổ dân phố 4, TT Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Phạm Ngọc Thạch - Địa chỉ: Tổ dân phố 16, TT. Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 11/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 11/02/2025 đến 13/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đặng Ngọc Viện - Địa chỉ: Xóm 1, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
 - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Ngọc Chiến - Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
- Trong đó:*
- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 11/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 11/02/2025 đến 20/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	6,0	6,0	6,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,15	0,17	0,22	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,51	0,30	0,25	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,37	7,42	7,45	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
7	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
8	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,525	0,540	0,561	Đạt
9	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,833	0,833	0,833	Đạt
11	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100,0	100,0	100,0	Đạt
12	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	27,704	27,704	27,704	Đạt
13	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
14	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,363	0,376	0,380	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	175,0	179,0	181,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu " * " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu " ** " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Đặng Ngọc Viện - Địa chỉ: Xóm 1, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Ngọc Chiến - Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C

- Ngày lấy mẫu:** 11/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 11/02/2025 đến 13/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Liên Bảo - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Quang Thắng - Địa chỉ: Bát Di 2, Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Quang Huy - Địa chỉ: Xóm Hòe, Trung Thành, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 05/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 05/02/2025 đến 20/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,32	0,38	0,43	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,48	0,35	0,28	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,67	7,69	7,69	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,536	0,554	0,566	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	7,863	8,099	8,249	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,500	0,500	0,500	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	96,0	96,0	96,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	86,6	87,1	88,1	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Liên bảo - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Quang Thắng - Địa chỉ: Bất Di 2, Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Quang Huy - Địa chỉ: Xóm Hòe, Trung Thành, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 05/02/2025 đến 07/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11

- Tên khách hàng: Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ: Mỹ Hà - Mỹ Lộc - Nam Định
- Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Ngọc Quế - Địa chỉ: Cầu Mái, xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Lã Thị Toàn - Địa chỉ: Thôn Bói Trung, xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu: 10/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm: 10/02/2025 đến 20/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,67	0,79	0,86	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,62	0,43	0,31	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,73	7,74	7,76	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,434	0,447	0,453	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	7,671	7,949	8,077	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	94,0	94,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	< 0,2	0,203	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	79,0	80,1	81,5	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Mỹ Hà - Mỹ Lộc - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Trần Ngọc Quế - Địa chỉ: Cầu Mái, xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Lã Thị Toàn - Địa chỉ: Thôn Bói Trung, xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 10/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 10/02/2025 đến 12/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Bùi Văn Thiệp - Địa chỉ: Xóm 14, Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Tới - Địa chỉ: Xóm Uốn, Yên Cường, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 07/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 07/02/2025 đến 20/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	5,0	5,0	5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,84	0,93	0,96	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,54	0,48	0,40	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,43	7,44	7,48	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,573	0,581	0,586	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	30,703	30,917	31,238	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,833	0,833	0,833	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	110,0	110,0	110,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	9,113	9,113	9,113	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,203	0,207	0,216	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	115,0	118,0	121,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Bùi Văn Thiệp - Địa chỉ: Xóm 14, Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Tới - Địa chỉ: Xóm Uốn, Yên Cường, Ý Yên, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 07/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 07/02/2025 đến 09/02/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đình Văn Khơ - Địa chỉ: Thôn Nhất-Đoài, Hồng Quang, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Quang - Địa chỉ: Thôn An Châu, Yên Khang, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 06/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 06/02/2025 đến 20/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,28	0,32	0,38	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,44	0,25	0,21	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,54	7,56	7,59	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,762	0,768	0,777	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	36,054	36,204	36,332	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,167	1,167	1,167	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	126,0	126,0	126,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	29,162	29,162	29,527	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,220	0,225	0,265	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	143,0	145,0	147,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đinh Văn Khơ - Địa chỉ: Thôn Nhất-Đoài, Hồng Quang, Ý Yên, Nam Định
 - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Quang - Địa chỉ: Thôn An Châu, Yên Khang, Ý Yên, Nam Định
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*

- Ngày lấy mẫu:** 06/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 06/02/2025 đến 08/02/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Đại Thắng
2. Địa chỉ: Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Văn Phong - Địa chỉ: Thôn Hòa Tiên, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Ngọc Chính - Địa chỉ: Thôn Hòa Tiên, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 07/02/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
7. Thời gian thử nghiệm: 07/02/2025 đến 20/02/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,72	0,76	0,81	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,36	0,30	0,25	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,63	7,65	7,68	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,434	0,479	0,498	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	16,104	16,297	16,447	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100,0	100,0	100,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	0,216	0,225	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	91,3	92,7	93,1	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



HÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Vũ Văn Phong - Địa chỉ: Thôn Hòa Tiên, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Vũ Ngọc Chính - Địa chỉ: Thôn Hòa Tiên, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 07/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 07/02/2025 đến 09/02/2025
- Kết quả thử nghiệm**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

Nam Định, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.